

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 309/2025/TLST- DS ngày 05 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1)**

Địa chỉ: **Số H L, phường Đ, TP Hà Nội**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Vũ Ngọc Q** - Trưởng phòng xử lý nợ (*Văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN – CTQT ngày 28/7/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị*)

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Đoàn Thị K**, ông **Lê Thành L**, bà **Nguyễn Thị Minh N**, ông **Bùi Văn N1**, ông **Bùi Mạnh T**, ông **Nguyễn Mạnh H** (*Văn bản ủy quyền số 74/2026/UQ - VPB ngày 05/01/2026*)

Bị đơn: Bà **Cao Thị Hồng T1** - Sinh năm 1985

Cư trú tại: **Khu B, xã C, tỉnh Phú Thọ.**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP V và bị đơn bà **Cao Thị Hồng T1** cùng thống nhất:

Bà **Cao Thị Hồng T1** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V2** tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/3/2026 là 195.048.522 đồng (*Một trăm chín mươi lăm triệu không trăm bốn mươi tám đồng năm trăm hai mươi hai nghìn đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 118.153.271 đồng; nợ lãi trong hạn 40.746.208 đồng; nợ lãi quá hạn 36.149.043 đồng. Cụ thể:

+ Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ **ngân hàng Đ** (*Dành cho khách hàng cá nhân*) (324 –P-4519711) ngày 28/02/2023 giữa bà **Cao Thị Hồng T1** và **Ngân hàng V2**, phải thanh toán tổng số tiền là 30.495.435 đồng. Trong đó nợ gốc 13.772.758đ,

nợ lãi quá hạn 16.722.677 đồng.

+ Đối với Hợp đồng cho vay số LD2304901113 ký ngày 11/2/2023 giữa bà **Cao Thị Hồng T1** và **Ngân hàng V2**, phải thanh toán tổng số tiền là 49.332.787 đồng. Trong đó nợ gốc 32.416.708 đồng. Nợ lãi trong hạn 11.442.629 đồng. Nợ lãi quá hạn 13.952.916 đồng.

+ Đối với Hợp đồng cho vay số LD2305302281 ký ngày 21/02/2023 giữa bà **Cao Thị Hồng T1** và **Ngân hàng V2**, phải thanh toán tổng số tiền là 115.220.300 đồng, trong đó nợ gốc 71.963.805 đồng, nợ lãi trong hạn 29.303.579 đồng, nợ lãi quá hạn 13.952.916 đồng.

Kể từ ngày 13/3/2026, bà **Cao Thị Hồng T1** tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V2** theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay thẻ số 324-P-4519711 ký ngày 28/2/2023, Hợp đồng cho vay số LD2304901113 ký ngày 11/2/2023 và Hợp đồng cho vay số LD2305302281 ký ngày 21/02/2023 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc.

2. Về án phí: Bị đơn bà **Cao Thị Hồng T1** tự nguyện chịu **9.752.426** (*chín triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP V2** số tiền 4.135.000đ (*Bốn triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006431 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ
- Dương sự;
- VKSND khu vực 12 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Đương sự;
- VKSND huyện Cao Phong;
- Chi cục THADS H. Cao PHong
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

